

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 03 trang)

MÃ ĐỀ GỐC

Họ và tên học sinh: .....Số báo danh: .....Lớp: .....

**Câu 1: Chọn phương án điền vào chỗ chấm để được khái niệm về cơ sở dữ liệu.**

Cơ sở dữ liệu là tập hợp ..... có liên quan với nhau, chứa thông tin một tổ chức, được lưu trên thiết bị nhớ và để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của .....

- A. dữ liệu – nhiều người. B. dữ liệu – một người.  
C. thông tin – một người. D. thông tin – nhiều người.

**Câu 2: Phương tiện nào dưới đây lưu trữ dữ liệu của một CSDL?**

- A. Bộ nhớ ngoài. B. Bộ nhớ RAM. C. Bộ nhớ ROM. D. Hồ sơ – sổ sách.

**Câu 3: Trong các chức năng dưới đây, đâu KHÔNG là chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu?**

- A. Cung cấp công cụ cho phép người nào cũng có thể cập nhật được dữ liệu.  
B. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL.  
C. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào cơ sở dữ liệu.  
D. Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu.

**Câu 4: Nhóm người tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL là:**

- A. Người lập trình ứng dụng. B. Người quản trị CSDL.  
C. Người quản lý. D. Người dùng.

**Câu 5: Chọn phương án đúng nói về Microsoft Access?**

Microsoft Access là

- A. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu. B. phần mềm bảng tính.  
C. cơ sở dữ liệu. D. phần mềm hệ thống.

**Câu 6: Hai chế độ chính làm việc với các đối tượng là:**

- A. Trang dữ liệu và thiết kế. B. Chỉnh sửa và cập nhật.  
C. Thiết kế và bảng. D. Thiết kế và cập nhật.

**Câu 7: Khi làm việc với MS Access, thao tác nào dưới đây dùng để mở CSDL đã có?**

- A. Chọn File → Open. B. Chọn File → Close.  
C. Chọn File → New. D. Chọn File → Options.

**Câu 8. Người ta thường sử dụng cách nào để tạo Bảng (table) theo cách tự thiết kế?**

- A. Create table in Design view B. Create table by entering data  
C. Create form in Design view D. Create table by using wizard

**Câu 9: Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột:**

- A. Data Type. B. Field Name. C. Description. D. Field Properties.

**Câu 10: Bảng dữ liệu sau gồm có mấy bản ghi?**

học sinh								
MaSo	HoDem	Ten	GT	DoanVien	NgSinh	DiaChi	To	Toan
1	Nguyễn Xuân	Bình	Nam	<input checked="" type="checkbox"/>	12/8/1994	6 Nghĩa Tân	2	6.0
2	TRẦN Thành	Hưng	Nam	<input checked="" type="checkbox"/>	3/7/1992	45 Cầu Giấy	3	8.9
3	Đỗ Bích	Hằng	Nữ	<input type="checkbox"/>	10/15/1993	123 Giảng Võ	1	8.0
4	Nguyễn Thúy	Hường	Nữ	<input checked="" type="checkbox"/>	11/2/1994	231 Hào Nam	4	7.0
5	Phạm Kim	Anh	Nữ	<input type="checkbox"/>	12/5/1994	12 Dịch Vọng	1	7.8
6	Bùi Bình	Thuận	Nam	<input type="checkbox"/>	9/23/1993	34 Lê Hồng Phong	2	5.7
7	Phạm Anh	Thơ	Nữ	<input type="checkbox"/>	11/10/1993	34 Lê Hồng Phong	1	5.6

- A. 7. B. 8. C. 5. D. 6.

**Câu 11: Trong các phát biểu sau về cấu trúc bảng, phát biểu nào SAI?**

- A. Một trường có thể có nhiều kiểu dữ liệu.  
B. Bản ghi (record) là hàng của bảng, gồm dữ liệu của các thuộc tính của một chủ thể được quản lý.  
C. Kiểu dữ liệu (Data Type) là kiểu của dữ liệu lưu trong một trường.  
D. Trường (field) là cột của bảng, thể hiện thuộc tính của các chủ thể cần quản lý.

**Câu 12: Một bảng gồm các trường: Số báo danh, Họ tên, Ngày sinh, Giới tính, Điểm số. Hãy xác định kiểu dữ liệu phù hợp cho các trường và đâu là khóa chính?**

- A. Number, Text, Date/Time, Yes/No, Number; Số báo danh  
 B. Number, Text, Date/Time, Yes/No, AutoNumber; Ngày sinh  
 C. Number, Text, Date, Yes/No, Number; số báo danh.  
 D. AutoNumber, Text, Date/Time, Yes/No, Number; Giới tính.

**Câu 13: Khi nhập dữ liệu, trường nào không được bỏ trống?**


- A. Trường khóa chính B. Trường SBD C. Trường STT D. Trường Hoten

**Câu 14: Trong khi nhập dữ liệu cho bảng, muốn chèn thêm một bản ghi mới, ta thực hiện :**


Insert → .....

- A. New Record B. New Rows C. Rows D. Record


**Câu 15: Muốn chèn thêm một bản ghi mới, ta thực hiện:**

- A. Insert → New Record B. Insert → New Rows  
 C. Nháy nút  D. Nháy chuột trực tiếp vào ô đầu tiên ở bảng rồi gõ dữ liệu tương ứng

**Câu 16: Để xóa một bản ghi ta thực hiện thao tác nào sau đây?**

A. Nháy  trên thanh công cụ rồi chọn Yes.

B. Chọn Insert → Delete Row rồi chọn Yes.


C. Nháy  trên thanh công cụ rồi chọn Yes.


D. Chọn File → Delete Record rồi chọn Yes.


**Câu 17: Trong Access, từ Filter có ý nghĩa gì ?**


- A. Lọc dữ liệu B. Tìm kiếm dữ liệu  
 C. Sắp xếp dữ liệu D. Xóa dữ liệu

**Câu 18: Để sắp xếp các bản ghi giảm dần, ta chọn trường cần sắp xếp rồi nháy biểu tượng nào sau đây?**

A. Biểu tượng 

B. Biểu tượng 


C. Biểu tượng 


D. Biểu tượng 


**Câu 19: Khẳng định nào sau đây là sai?**


- A. Lọc tìm được các bản ghi trong nhiều bảng thỏa mãn với điều kiện lọc  
 B. Lọc là một công cụ của hệ QT CSDL cho phép tìm ra những bản ghi thỏa mãn một số điều kiện nào đó phục vụ tìm kiếm  
 C. Sử dụng lọc theo ô dữ liệu đang chọn để tìm nhanh các bản ghi có dữ liệu trùng với ô đang chọn  
 D. Sử dụng lọc theo mẫu để tìm các bản ghi thỏa mãn các tiêu chí phức tạp

**Câu 20: Để lọc dữ liệu theo ô đang chọn, ta chọn biểu tượng nào sau đây?**


A. Biểu tượng 


B. Biểu tượng 

C. Biểu tượng 

D. Biểu tượng 

**Câu 21: Cho các thao tác sau:**

1. Nháy nút 

2. Nháy nút 

3. Chọn ô có dữ liệu cần lọc

Trình tự các thao tác để thực hiện được việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:

- A. (3) → (1) B. (3) → (1) → (2)  
 C. (3) → (2) → (1) D. (3) → (2)

**Câu 22: Trong Access, muốn thực hiện việc hủy lọc dữ liệu, ta nháy nút :**


A. 


B. 

C. 


D. 

**Câu 23: Để lọc ra danh sách học sinh “Nam” trong lớp, ta thực hiện:**

A. Trên trường (Giới Tính) ta click chuột vào một ô có giá trị là (Nam), rồi nháy nút 

B. Trên trường (Giới Tính) ta nháy nút 

C. Nháy nút , rồi gõ vào chữ (“Nam”) trên trường (Giới Tính), sau đó nháy nút 

D. Nháy nút  rồi chọn giới tính “Nam”.

**Câu 24: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?**

- A. Forms B. Queries C. Tables D. Reports

**Câu 25: Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :**

- A. Xem, nhập và sửa dữ liệu
- B. Tính toán cho các trường tính toán
- C. Sửa cấu trúc bảng
- D. Lập báo cáo




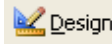


**Câu 26: Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách dùng thuật sĩ, ta chọn:**

- A. Create form by using Wizard
- B. Create form for using Wizard
- C. Create form with using Wizard
- D. Create form in using Wizard

**Câu 27: Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:**

- A. Sửa đổi cấu trúc của biểu mẫu
- B. Sửa đổi dữ liệu
- C. Nhập và sửa dữ liệu
- D. Xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu

**Câu 28: Để làm việc trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta thực hiện:**

- A. Chọn biểu mẫu rồi nhấn nút 
- B. Chọn biểu mẫu rồi nhấn nút 
- C. Chọn biểu mẫu rồi nhấn nút  và nhấn nút  nếu đang ở chế độ thiết kế
- D. Chọn biểu mẫu rồi nhấn nút  hoặc nhấn nút  nếu đang ở chế độ thiết kế




**Câu 29: Cho các thao tác:**

- (1) Gõ tên cho biểu mẫu rồi nhấn Finish
- (2) Chọn đối tượng Forms trong bảng chọn đối tượng rồi nhấn đúp vào Create form by using wizard
- (3) Chọn kiểu cho biểu mẫu rồi nhấn Next
- (4) Chọn cách bố trí biểu mẫu rồi nhấn Next
- (5) Trong hộp thoại Form Wizard, chọn bảng (hoặc mẫu hỏi) từ ô Tables/Queries, tiếp theo là chọn các trường đưa vào biểu mẫu rồi nhấn Next

Trình tự các thao tác để có thể thực hiện tạo biểu mẫu bằng cách dùng thuật sĩ sẽ là:

- A. (2) → (5) → (4) → (3) → (1)
- B. (2) → (5) → (3) → (4) → (1)
- C. (5) → (2) → (3) → (4) → (1)
- D. (2) → (3) → (4) → (5) → (1)

**Câu 30: Để làm việc trong chế độ biểu mẫu, ta không thực hiện thao tác nào sau đây?**

- A. Nháy nút , nếu đang ở chế độ thiết kế
- B. Chọn biểu mẫu rồi nhấn nút 
- C. Nháy đúp chuột lên tên biểu mẫu
- D. Nháy nút , nếu đang ở chế độ thiết kế

-----HẾT-----